



Điều Hòa Không Khí Treo Tường Cho Dân Dụng



NHÀ PHÁT MINH ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ



Thương hiệu Carrier của Mỹ được lấy từ tên của Willis Haviland Carrier, nhà phát minh và thiết kế ra hệ thống điều hòa không khí đầu tiên trên thế giới năm 1902. Willis Carrier đã sớm nhận ra các nhu cầu đáp ứng về sự biến đổi của khí hậu, nhu cầu tiện nghi của cuộc sống hằng ngày càng nâng cao, cũng như trong sản xuất sẽ quyết định giá trị của điều hòa không khí. Ngay từ đầu, Carrier đã phát triển mạng lưới nhà phân phối, đại lý và khách hàng quốc tế. Thành công với việc xuất hiện sớm ở Châu Âu và Châu Á là dấu hiệu cho thấy sự phổ biến của điều hòa không khí trên khắp các vùng lãnh thổ quốc tế. Hiện nay trải qua hơn 115 năm có mặt trên thị trường, điều hòa không khí Carrier đã hiện diện khắp thế giới.



CÁC DÒNG SẢN PHẨM

DÒNG SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	CÔNG SUẤT (Btu/h)	LOẠI	MÃ SẢN PHẨM
DÒNG BIẾN TẦN INVERTER Một chiều lạnh Môi chất lạnh R32		8,500	Dàn lạnh Dàn nóng	42GCVBE010-703V 38GCVBE010-703V
		11,900	Dàn lạnh Dàn nóng	42GCVBE013-703V 38GCVBE013-703V
		17,000	Dàn lạnh Dàn nóng	42GCVBE018-703V 38GCVBE018-703V
		20,400	Dàn lạnh Dàn nóng	42GCVBE024-703V 38GCVBE024-703V
DÒNG BIẾN TẦN INVERTER Hai chiều lạnh và sưởi Môi chất lạnh R410A		8,500	Dàn lạnh Dàn nóng	42HVES010-703V 38HVES010-703V
		11,900	Dàn lạnh Dàn nóng	42HVES013-703V 38HVES013-703V
		17,000	Dàn lạnh Dàn nóng	42HVES018-703V 38HVES018-703V
		20,400	Dàn lạnh Dàn nóng	42HVES022-703V 38HVES022-703V
DÒNG TIÊU CHUẨN Một chiều lạnh Môi chất lạnh R410A		8,500	Dàn lạnh Dàn nóng	42CER010-703V 38CER010-703V
		12,100	Dàn lạnh Dàn nóng	42CER013-703V 38CER013-703V
		17,200	Dàn lạnh Dàn nóng	42CER018-703V 38CER018-703V
DÒNG TIÊU CHUẨN Hai chiều lạnh và sưởi Môi chất lạnh R410A		8,500	Dàn lạnh Dàn nóng	42HES010-703V 38HES010-703V
		12,100	Dàn lạnh Dàn nóng	42HES013-703V 38HES013-703V

Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy Toshiba Carrier Thailand.

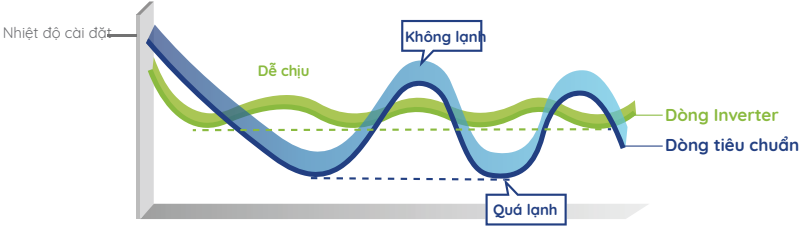
ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DÒNG INVERTER



Công Nghệ Biến Tần

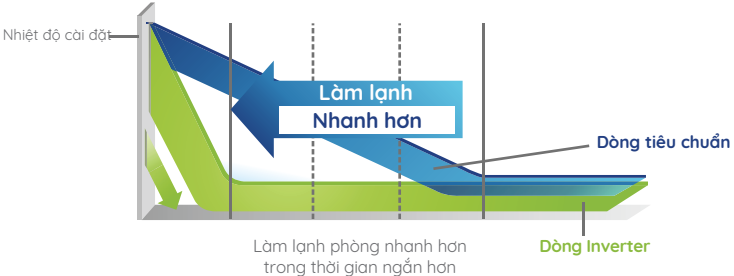
Kiểm soát nhiệt độ

Sau khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, máy điều hòa Carrier inverter sẽ giữ nhiệt độ phòng ở mức lý tưởng thông qua việc điều chỉnh tốt công suất đầu ra, tạo ra sự dễ chịu và môi trường trong phòng thoải mái hơn so với máy điều hòa không khí tiêu chuẩn có chu kỳ giữa bật và tắt dẫn đến nhiệt độ bị dao động.



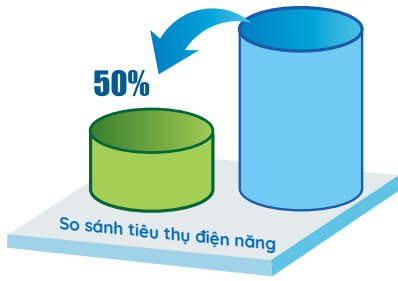
Làm lạnh nhanh

Máy nén của điều hòa Carrier inverter hoạt động nhanh hơn để mang lại hiệu suất mạnh mẽ hơn dẫn đến việc đạt được nhiệt độ cài đặt mong muốn của bạn nhanh hơn so với điều hòa thông thường.



Tiết kiệm năng lượng

Máy điều hòa không khí Carrier inverter hoạt động liên tục từ 168V đến 264V ngay cả ở nhiệt độ môi trường cao lên đến 46°C, giúp không gian sống của bạn luôn mát mẻ và dễ chịu.



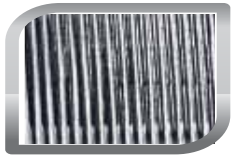
Công nghệ làm sạch kép*

Chức năng tự làm sạch + Lớp phủ chống bám "Aqua resin"

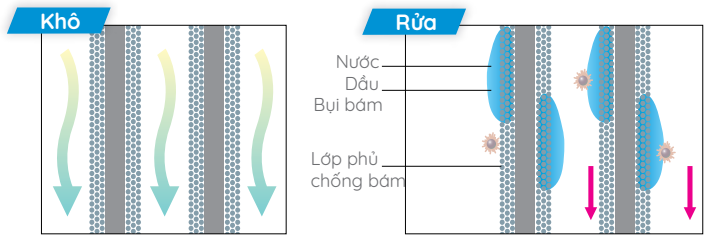
Công nghệ tiên tiến hàng đầu nhằm giảm thiểu sự ngưng tụ của nước và dầu, ngăn ngừa bụi bám trên cánh tản nhiệt kéo dài tuổi thọ của máy. Sau khi tắt máy, quạt dàn lạnh sẽ tự động chạy khoảng 20 phút để khử ẩm nhằm giúp giảm thiểu sự hình thành của nấm mốc.



Không có lớp phủ chống bám



Có lớp phủ chống bám



Thiết bị chống sét*

Bo mạch được tích hợp thiết bị hấp thụ sét nhằm bảo vệ máy khỏi dòng điện cao thế lên đến 10,000 voltage.

Trang bị bộ lọc chống nhiễu để ngăn chặn điện áp biến đổi, từ đó máy hoạt động tốt hơn với độ tin cậy cao.



Hộp ngăn ngừa côn trùng*

Các mạch điện quan trọng được bảo vệ bởi hộp E-box ngăn ngừa côn trùng thâm nhập.



Lớp chống cháy*

Hộp điện của dàn nóng và dàn lạnh được bảo vệ bởi lớp màng chống cháy lây lan.

* Tính năng có trên dòng máy sử dụng môi chất lạnh R32.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điều Hòa Treo Tường Dòng Inverter 1 Chiều Lạnh



DÀN LẠNH			42GCVBE010-703V	42GCVBE013-703V	42GCVBE018-703V	42GCVBE024-703V
DÀN NÓNG			38GCVBE010-703V	38GCVBE013-703V	38GCVBE018-703V	38GCVBE024-703V
DIỆN ÁP		V	1Ph / 50Hz / 220-240V			
LÀM LẠNH	Công suất lạnh	kW	2.50 (0.90-2.80)	3.50 (1.05-3.90)	5.00 (1.15-5.90)	6.00 (1.20-6.80)
	Điện năng tiêu thụ	kW	0.93 (0.30-1.10)	1.20 (0.32-1.40)	1.66 (0.30-2.10)	2.00 (0.28-2.30)
	Dòng hoạt động	A	4.55 (1.65-5.30)	5.85 (1.62-6.65)	7.70 (1.73-9.65)	9.40 (1.60-10.60)
	Mức tiết kiệm năng lượng		5	5	5	5
DÀN LẠNH	Kích thước (HxWxD)	mm	250 x 740 x 195	293 x 798 x 230	293 x 798 x 230	320 x 1050 x 250
	Khối lượng	kg	8	10	9	14
	Lưu lượng gió	m³/h	534	768	876	1020
	Công suất tách ẩm	L/h	1.5	2.0	2.8	3.5
	Độ ồn	dB	41/38/35/32/28	43/41/36/30/23	48/44/39/33/25	45/43/40/38/35
	Công suất quạt	W	25	35	30	30
DÀN NÓNG	Kích thước (HxWxD)	mm	530 x 598 x 200	530 x 660 x 240	550 x 780 x 290	550 x 780 x 290
	Khối lượng	kg	18	22	33	34
	Môi chất lạnh		R32	R32	R32	R32
	Công suất máy nén	W	550	780	900	1050
	Công suất quạt	W	18	18	43	43
	Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	°C	-10-46	-10-46	-10-46	-10-46
KÍCH THƯỚC ĐƯỜNG ỐNG	Phía lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
	Phía hơi	mm	9.52	9.52	12.7	12.7
	Chiều dài ống tối đa	m	15	15	20	20
	Chiều dài ống không cần nạp thêm gas	m	15	15	15	15
	Bổ sung môi chất lạnh	g/m	-	-	20	20
	Chiều cao ống tối đa	m	12	12	12	12
PHỤ KIỆN	Điều khiển		WC-UA04NE	WC-UA04NE	WC-UA04NE	WC-UA04NE

Điều kiện đánh giá làm lạnh: Nhiệt độ không khí trong nhà 27°C DB / 19°C WB, nhiệt độ không khí ngoài trời 35°C DB.



Làm lạnh
nhanh



Tiết kiệm
điện



Chế độ cánh đảo gió
12 chức năng



Tốc độ quạt
5 chế độ và tự động



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điều Hòa Treo Tường Dòng Inverter 2 Chiều Lạnh, Sưởi



DÀN LẠNH			42HVES010-703V	42HVES013-703V	42HVES018-703V	42HVES022-703V
DÀN NÓNG			38HVES010-703V	38HVES013-703V	38HVES018-703V	38HVES022-703V
DIỆN ÁP		V	1Ph / 50Hz / 220-240V			
LÀM LẠNH	Công suất lạnh	kW	2.50 (1.20-3.00)	3.50 (1.10-4.00)	5.00 (1.10-6.00)	6.00 (1.20-6.70)
	Điện năng tiêu thụ	kW	0.77 (0.29-1.05)	1.00 (0.25-1.33)	1.42 (0.18-2.00)	1.995 (0.20-2.65)
	Dòng hoạt động	A	3.88 (1.75-5.06)	5.12 (1.42-6.35)	6.65 (1.11-9.30)	9.31 (1.27-12.32)
	EER		3.25 (4.14-2.86)	3.50 (4.40-3.01)	3.52 (6.11-3.00)	3.01 (6.00-2.53)
	Mức tiết kiệm năng lượng		5	5	5	5
	Công suất sưởi		3.20 (0.90-3.50)	4.20 (0.90-5.00)	5.80 (0.80-6.30)	7.00 (1.00-7.50)
	Điện năng tiêu thụ		0.84 (0.21-0.97)	1.08 (0.15-1.58)	1.56 (0.14-1.70)	2.05 (0.18-2.21)
	Dòng hoạt động		4.19 (1.24-4.78)	5.45 (1.15-7.80)	7.28 (0.88-7.92)	9.56 (1.13-10.30)
	COP		3.81 (4.29-3.61)	3.89 (6.00 - 3.16)	3.72 (5.71-3.71)	3.41 (5.56-3.39)
DÀN LẠNH	Kích thước (HxWxD)	mm	275x790x235	275x790x235	320x1050x238	320x1050x238
	Khối lượng	kg	10	10	13	13
	Lưu lượng gió	CO/HP m³/h	528/570	570/624	954/900	1080/1098
	Công suất tách ẩm	L/h	2.0	2.0	2.8	3.5
	Độ ồn	CO	40-37-34-31-27	39-36-33-30-26	44-41-38-35-32	47-44-41-38-35
	Độ ồn	HP	41-38-35-32-28	40-37-34-31-28	44-41-39-35-32	47-44-42-38-35
	Công suất quạt	W	20	20	20	30
DÀN NÓNG	Kích thước (HxWxD)	mm	530x660x240	550x780x290	550x780x290	550x780x290
	Khối lượng	kg	28	34	39	41
	Môi chất lạnh		R410A	R410A	R410A	R410A
	Độ ồn	CO/HP	48/50	48/50	49/50	53/52
	Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	CO/HP °C	-10~46/-15~24	-10~46/-15~24	-10~46/-15~24	-10~46/-15~24
	Công suất điện	W	750	750	1100	1100
	Công suất quạt	W	20	43	43	43
KÍCH THƯỚC ĐƯỜNG ỐNG	Phía lỏng	mm	6.35	6.35	6.35	6.35
	Phía hơi	mm	9.25	9.25	9.25	9.25
	Ống thoát nước ngưng	mm	16.3	16.3	16.3	16.3
	Chiều dài ống tối đa	m	15	20	20	20
	Chiều dài ống tối đa	m	8	10	10	10
	Chiều dài ống không cần nạp gas thêm	m	15	15	15	15
	Bổ sung môi chất lạnh	g/m	-	20	20	20
PHỤ KIỆN	Màng lọc		Nano Photo Copper Zinc 1 pc. Nano Silver Ginseng 1 pc.	Nano Photo Copper Zinc 1 pc. Nano Silver Ginseng 1 pc.	Nano Photo Copper Zinc 2 pc. Nano Silver Ginseng 2 pc.	Nano Photo Copper Zinc 2 pc. Nano Silver Ginseng 2 pc.
	Điều khiển		WH-TA05NE	WH-TA05NE	WH-TA05NE	WH-TA05NE

Điều kiện đánh giá làm lạnh: Nhiệt độ không khí trong nhà 27°C DB / 19°C WB, nhiệt độ không khí ngoài trời 35°C DB.



Làm lạnh nhanh



Tiết kiệm điện



Chế độ cánh đảo gió 12 chức năng



Tốc độ quạt 5 chế độ và tự động



*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.





ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG DÒNG TIÊU CHUẨN



Chức năng tiết kiệm điện



Ấn nút “Eco” trên remote nếu bạn muốn máy hoạt động êm ái nhẹ nhàng ở các chế độ Lạnh, Sưởi và Auto, máy sẽ tiết kiệm đến 20% điện năng tiêu thụ so với những cài đặt tiêu chuẩn.

Chức năng làm lạnh nhanh



Để tăng lưu lượng gió, ấn nút trên remote, lưu lượng gió sẽ tăng lên tối đa ngay tức thì.

Tạo hướng thổi rộng



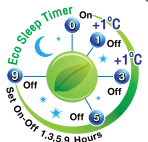
Cánh gió nằm ngang tạo hướng thổi rộng sẽ làm lạnh đều khắp nhà. Điều khiển Carrier cho phép điều chỉnh 11 hướng thổi. Cộng thêm chức năng đảo gió tự động máy sẽ chọn được những hướng thổi tối ưu cho việc làm lạnh hoặc sưởi, phân phối đều khắp cả phòng.
* Size 18k

Chức năng hẹn giờ hàng ngày



Điều khiển của Carrier cũng cho phép hẹn giờ chính xác cho máy lạnh của bạn khi bạn muốn khởi động hoặc ngừng máy. Chức năng này có thể tự động lặp lại hằng ngày.

Chức năng tiết kiệm điện khi ngủ



Điều khiển từ xa của Carrier có thể cài đặt giờ tắt máy một cách thuận tiện. Nó có thể lập trình theo (1-3-5-9) giờ. Trong khi đó máy sẽ tạo ra hành trình hoạt động tối ưu cho giấc ngủ của bạn. Nhiệt độ sẽ tăng 1°C sau 1 giờ và tăng tiếp 1°C sau 2 giờ hoạt động liên tiếp. Nhiệt độ này sẽ duy trì cho đến sáng.

Chức năng tự chẩn đoán



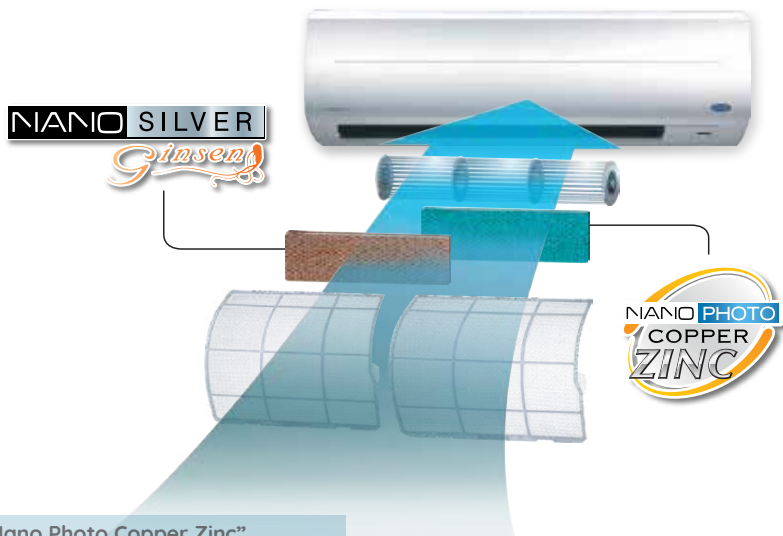
Để tạo sự tiện lợi, mỗi máy trang bị một hệ thống tự chẩn đoán thông minh mà nó sẽ chỉ ra khu vực có khả năng bị hư hỏng để nhanh chóng sửa chữa mang lại hiệu quả cao.

Hệ thống lưới lọc Nano

Carrier áp dụng công nghệ tiên tiến và sử dụng công nghệ lưới lọc Nano để nhanh chóng mang lại sự tinh khiết cho không gian căn phòng nhà bạn.

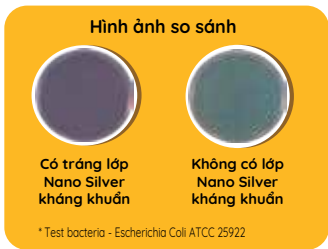
Lưới lọc “Nano Silver Ginsen”

Sự kết hợp mạnh mẽ Nano Silver cùng với hoạt tính nhân sâm tự nhiên trong lưới lọc sẽ tăng thêm tính kháng khuẩn, chống nấm và khử mùi hiệu quả cho không gian nhà bạn.



Lưới lọc “Nano Photo Copper Zinc”

Công nghệ Nano Photo - copper Zinc rất mạnh mẽ trong việc khử mùi vì lưới lọc có chứa các hạt phân tử dễ kết hợp với các mùi để triệt tiêu. Nano Photo Copper cũng có khả năng diệt khuẩn và chống nấm mốc.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điều Hòa Treo Tường Dòng Tiêu Chuẩn 1 Chiều Lạnh



DÀN LẠNH			42CER010-703V	42CER013-703V	42CER018-703V
DÀN NÓNG			38CER010-703V	38CER013-703V	38CER018-703V
DIỆN ÁP		V	1Ph / 50Hz / 220-240V		
LÀM LẠNH	Công suất lạnh	kW	2.50	3.57	5.07
	Điện năng tiêu thụ	kW	0.80	1.08	1.60
	Dòng hoạt động	A	3.80	5.03	7.40
	EER	(W/W)	3.13	3.31	3.17
DÀN LẠNH	Kích thước (HxWxD)	mm	250 x 740 x 201	275 x 790 x 235	320 x 1050 x 238
	Khối lượng	kg	8	10	14
	Lưu lượng gió	m³/h	560	620	1100
	Công suất tách ẩm	L/h	1.2	2.0	2.0
	Độ ồn	dB	40/37/35/32/28	42/39/36/33/31	48/45/42/38/33
	Công suất quạt	W	20	20	35
DÀN NÓNG	Kích thước (HxWxD)	mm	530 x 598 x 200	550 x 780 x 290	550 x 780 x 290
	Khối lượng	kg	22	31	38
	Môi chất lạnh		R410A	R410A	R410A
	Độ ồn	dB	46-47	50	52
	Công suất điện	W	800	1100	1100
	Công suất quạt	W	20	30	30
	Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	°C	21-43	21-43	21-43
KÍCH THƯỚC ĐƯỜNG ỐNG	Phía lỏng	mm	6.35	6.35	6.35
	Phía hơi	mm	9.52	12.7	12.7
	Ống thoát nước ngưng	mm	16.3	16.3	16.3
	Chiều dài ống tối đa	m	10	15	20
	Chiều cao ống tối đa	m	5	6	8
	Chiều dài ống không cần sạc gas thêm	m	10	15	15
	Bổ sung môi chất lạnh	g/m	-	-	20
PHỤ KIỆN	Màng lọc gió		Nano Photo Copper Zinc x 1 Nano Silver Ginseng x 1	Nano Photo Copper Zinc x 1 Nano Silver Ginseng x 1	Nano Photo Copper Zinc x 2 Nano Silver Ginseng x 2
	Điều khiển		WC-UA04NE	WC-UA04NE	WC-UA04NE



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điều Hòa Treo Tường Dòng Tiêu Chuẩn 2 Chiều Lạnh, Sưởi



DÀN LẠNH				42HES010-703V	42HES013-703V
DÀN NÓNG				38HES010-703V	38HES013-703V
ĐIỆN ÁP				1Ph / 50Hz / 220-240V	
LÀM LẠNH	Công suất lạnh	CO	kW	2.52	3.55
	Điện năng tiêu thụ	CO	kW	0.79	1.14
	Dòng hoạt động	CO	A	3.72	5.30
	EER	CO		3.19	3.11
	Công suất sưởi	HP		2.76	3.85
	Điện năng tiêu thụ	HP		0.74	1.08
	Dòng hoạt động	HP	(W/W)	3.50	5.00
	COP	HP		3.73	3.56
DÀN LẠNH	Kích thước (HxWxD)		mm	275x790x235	275x790x235
	Khối lượng		kg	9	10
	Lưu lượng gió (h)	CO	m³/h	600	620
	Lưu lượng gió (h)	HP	m³/h	610	620
	Công suất tách ẩm		L/h	1.2	2.0
	Độ ồn	CO/HP	dB	39/37/35/33/31	41/38/35/33/31
	Công suất quạt		W	20	20
DÀN NÓNG	Kích thước (HxWxD)		mm	530x660x240	550x780x290
	Khối lượng		kg	26	33
	Môi chất lạnh			R410A	R410A
	Độ ồn (h)	CO	dB	47-49	50-51
	Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	CO	°C	15-43	15-43
	Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	HP	°C	-10-24	-10-24
	Công suất điện		W	800	1070
	Công suất quạt		W	30	42
KÍCH THƯỚC ĐƯỜNG ỐNG	Phía lỏng		mm	6.35	6.35
	Phía hơi		mm	9.52	12.7
	Ống thoát nước ngưng		mm	16.3	16.3
	Chiều dài ống tối đa		m	10	15
	Chiều cao ống tối đa		m	5	6
	Chiều dài ống không cần sạc gas thêm		m	10	15
	Bổ sung môi chất lạnh		g/m		
PHỤ KIỆN	Màng lọc gió			Active Carbon Cleaning 2 pcs.	Active Carbon Cleaning 2 pcs.
	Điều khiển			WH-UA03NE	WH-UA03NE



*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.



Trụ Sở Chính: Lầu 6, Tòa nhà Intan, 97 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
VP Chi nhánh: Lầu 16, Tòa nhà Việt, 1 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
VP Chi nhánh: Lầu 14, Tòa nhà Thành Lợi, 249 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
VP Chi nhánh: Lầu 11, Tòa nhà Nha Trang, 42A Lê Thành Phương, Nha Trang

ĐT: (84-28) 39991670	Fax: (84-28) 39991675
ĐT: (84-24) 38247684	Fax: (84-24) 39350388
ĐT: (84-236) 3747977	Fax: (84-236) 3747978

AN GIA TIẾN – Nhà phân phối toàn quốc dòng máy điều hòa không khí treo tường Carrier.